

TÁC ĐỘNG CỦA NHÓM CHÍNH SÁCH ĐẤT ĐAI VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN ĐẾN NHỮNG NÔNG DÂN YẾU THẾ

GS.TS. Vũ Dũng

Viện trưởng Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách về vấn đề đất đai và phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn nhằm giúp nông dân nói chung và những nông dân yếu thế phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã tác động tích cực lớn đến nông dân yếu thế, song bên cạnh những tác động tích cực việc triển khai các chính sách sách này còn bộc lộ không ít hạn chế và bất cập.

Từ khoá: Chính sách, hiệu quả của chính sách, yếu thế, hỗ trợ.

1. Đặt vấn đề

Những người nông dân yếu thế là các nhóm xã hội đặc biệt, họ luôn luôn cần sự quan tâm, giúp đỡ của xã hội. Họ là những người gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, trong cuộc sống sinh hoạt và hoạt động xã hội. Họ là những người nghèo khổ nhất. Bởi vì, đó là những người thiếu vốn sản xuất, thiếu năng lực sản xuất và tổ chức cuộc sống, đó là những người có sức khoẻ khó khăn do tuổi tác, bệnh tật (nhóm người già, người mắc bệnh hiểm nghèo). Trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách nhằm giúp các nhóm nông dân yếu thế phát triển sản xuất, song do những lý do chủ quan và khách quan mà hiệu quả của sự hỗ trợ này của các cơ chế, chính sách vẫn chưa đạt được những mục tiêu như mong muốn. Đánh giá lại thực trạng các cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân yếu thế một cách sâu và có hệ thống là một nhiệm vụ cần thiết. Nó có ý nghĩa cả lý luận và thực tiễn. Trong bài viết này, chúng tôi muốn phân tích tác động của chính sách đất đai và phát

triển cơ sở hạ tầng nông thôn đến các nhóm nông dân yếu thế.

Các nhóm nông dân yếu thế trong nghiên cứu của đề tài được xác định là các nhóm nông dân sau: 1) Nhóm nông dân nghèo do thiếu vốn, thiếu đất sản xuất, thiếu lao động sản xuất; 2) Nhóm nông dân là người dân tộc thiểu số, nông dân vùng kém phát triển; 3) Nhóm nông dân bị mất đất sản xuất do đô thị hoá, xây dựng các khu công nghiệp, chế xuất; 4) Nhóm nông dân gặp nhiều khó khăn trong giải quyết đầu ra của sản phẩm.

2. Địa bàn và phương pháp nghiên cứu

2.1. Địa bàn nghiên cứu:

Đề tài đã tiến hành điều tra ở các địa phương thuộc khu vực phía Bắc, gồm các tỉnh/thành sau: Hoà Bình (miền núi, vùng kém phát triển); Hà Nội (thành phố, vùng đô thị phát triển); Thái Bình (đồng bằng).

2.2. Khách thể nghiên cứu:

- Khách thể điều tra định lượng: 1.548 người, gồm 4 nhóm nông dân yếu thế nói trên.

- Khách thể phỏng vấn sâu: Đề tài đã phỏng vấn 45 người gồm: 30 nông dân và 15 cán bộ xã, thôn. Mỗi tỉnh phỏng vấn sâu 10 nông dân và 5 cán bộ xã, hội nông dân và cán bộ thôn.

2.3. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu tư liệu, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, thống kê toán học.

3. Tác động của chính sách đất đai và phát triển nông thôn đến nông dân yếu thế

3.1. Chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân

Với mục tiêu khuyến khích phát triển nông nghiệp, giảm nhẹ đóng góp cho nông dân, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2003 - 2009 và Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2020, nông dân sử dụng đất sản xuất nông nghiệp được miễn giảm thuế nông nghiệp theo 2 mức 50% (phần diện tích ngoài hạn điền) và 100% (trong hạn điền).

Theo số liệu thống kê, trung bình mỗi năm Nhà nước đã miễn giảm cho trên 11,2 triệu hộ nông dân với tổng số thuế miễn, giảm 1,85 triệu tấn quy thóc, thành tiền là 2.837 tỷ đồng (tính bình quân theo giá thực tế). Tổng diện tích trồng lúa của cả nước khoảng 3,8 triệu ha.

Kết quả khảo sát về việc thực hiện và tác động của chính sách này được phản ánh qua các số liệu sau:

3.1.1. Thực trạng thực hiện chính sách

Kết quả điều tra thực hiện chính sách này qua đánh giá của nông dân được phản ánh qua bảng số liệu sau:

Bảng 1: Thực trạng thực hiện chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân

TT	Thực trạng thực hiện	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
1	Có được miễn giảm	1.332	86%
2	Không được miễn giảm	204	13,2
3	Không trả lời	12	0,8
Tổng số		1.548	100,0

Số liệu điều tra ở bảng 1 cho thấy, đa số nông dân được hỏi khẳng định gia đình họ được Nhà nước miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp. Chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp là chính sách áp dụng cho tất cả các gia đình nông dân, tại sao lại có 14% lại cho rằng, họ không được hưởng chính sách này hay khó trả lời?

Chúng tôi đã đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi này qua các biến số dân tộc, loại nhóm yếu thế... Kết quả điều tra thu được như sau: Đối với những nông dân trả lời không được hưởng chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp có 74,5% là các dân tộc thiểu số, chỉ có 25,5% là dân tộc Kinh. Như vậy, do điều kiện khó khăn về tiếp cận thông tin, hạn chế trong việc tuyên truyền về chính sách... mà những nông dân các dân tộc thiểu số biết về việc thực hiện chính sách này chưa chính xác. Nếu so sánh theo loại nhóm nông dân yếu thế ta thấy tỷ lệ ý kiến này của nhóm nông dân nghèo do thiếu vốn sản xuất, thiếu nhân lực chiếm tỷ lệ cao nhất 61,4%, trong khi đó nhóm nông dân mất đất sản xuất chỉ chiếm 11,4%, nhóm nông dân có nhiều khó khăn khác nhau chiếm 7,7%.

3.1.2. Hiệu quả của việc thực hiện chính sách đối với nông dân

Với câu hỏi mở: "Xin ông/bà cho biết hiệu quả của sự hỗ trợ này?". Kết quả thu được cho thấy, người nông dân đánh giá rất tích cực về hiệu quả của chính sách miễn giảm thuế này đối với họ. Chúng ta sẽ xem một số ý kiến cụ thể sau:

* Ý kiến của nông dân:

"Tăng thu nhập gia đình" (Nam nông dân, 45 tuổi, học vấn 9/10, Hà Nội).

"*Có vốn để sản xuất*" (Nam nông dân, 37 tuổi, học vấn 8/10, Hà Nội).

"*Đời sống bớt khó khăn*" (Nam nông dân, 51 tuổi, học vấn 7/10, Hà Nội).

"*Người dân phấn khởi*" (Nữ nông dân, 35 tuổi, học vấn 9/10, Hà Nội).

"*Giảm bớt khó khăn, động viên tinh thần*" (Nam nông dân, 55 tuổi, học vấn 10/10, Hà Nội).

"*Dùng tiền đó để đóng học cho con*" (Nữ nông dân, 50 tuổi, học vấn 6/10, Hà Nội).

"*Giảm thuế hoàn toàn giúp dân một phần tiền vốn sản xuất*" (Nam, 40 tuổi, học vấn 7/10, Thái Bình)

"*Giảm thuế nông nghiệp giúp dân phấn khởi và yên tâm sản xuất*" (Nam, 54 tuổi, học vấn 8/10, Thái Bình).

"*Miễn hoàn toàn thuế đất sử dụng nông nghiệp góp phần nâng cao mức sống, tạo điều kiện tái sản xuất trong nông nghiệp*" (Nam, 39 tuổi, học vấn 9/12, Thái Bình).

"*Không thu thuế, bà con nông dân không phải bỏ sản xuất, không phải bỏ ruộng hoang*" (Nam, 68 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình).

"*Nhà nước miễn giảm thuế nông nghiệp ruộng tư điền giúp gia đình và mọi người bớt khó khăn*" (Nam, 45 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình).

"*Miễn không thu thuế làm dân phấn khởi lao động sản xuất, tăng thêm thu nhập cho hộ gia đình*" (Nam, 63 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình).

"*Bớt khó khăn ban đầu, không còn lo về vốn giống*" (Nữ, 45 tuổi, học vấn 12, Hoà Bình).

"*Đã giúp cho nông dân đỡ được một phần*" (Nam, 44 tuổi, học vấn 9, Hoà Bình).

"*Nâng cao đời sống cho nhân dân, kích thích người dân tăng gia sản xuất*" (Nữ, 43 tuổi, học vấn 9, Hoà Bình).

"*Hiệu quả cao, tạo điều kiện làm ăn, bớt chi phí không phải đầu tư nhiều, người nghèo vươn lên*" (Nữ, 58 tuổi, học vấn 9, Hoà Bình)...

Với những đánh giá trên của nông dân ta thấy chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã đem lại hiệu quả tích cực trong hỗ trợ nông dân yếu thế. Đó là:

- *Về mặt vật chất: Giúp nông dân có vốn để sản xuất, tăng thêm chi phí cho sản xuất, giảm bớt các khoản đóng góp của các gia đình tiền để đầu tư cho việc học hành của con cháu, giúp cho việc xoá đói giảm nghèo của nhiều gia đình... Như vậy, hiệu quả về vật chất là rất đáng kể đối với nông dân.*

- *Về mặt tinh thần: Tạo ra sự phấn khởi cho người nông dân. Họ yên tâm với sản xuất, gần bó hơn với đồng ruộng. Có thể nói, hiệu quả tinh thần mà*

chính sách này mang lại là rất quan trọng. Người nông dân hiểu được đây là sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với họ.

3.2. Chính sách kiên cố hoá kênh mương nội đồng

Chính sách kiên cố hoá kênh mương nội đồng là một trong nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm giúp đỡ nông dân phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chúng ta sẽ xem việc triển khai chính sách này qua kết quả khảo sát của đề tài.

3.2.1. Thực trạng thực hiện chính sách

Bảng 2: Đánh giá của nông dân về triển khai chính sách kiên cố hoá kênh mương ở địa phương

TT	Đánh giá thực trạng	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Có được thực hiện	1.416	91,5
2	Không được thực hiện	132	8,5
	Tổng số	1.548	100

Với số liệu khảo sát trên ta thấy, hầu hết nông dân được hỏi cho rằng, chính sách kiên cố hoá kênh mương đã được thực hiện tại địa phương của họ. Chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ cho rằng, chính sách này chưa được thực hiện ở địa phương.



Ảnh 1: Hỗ trợ nông dân bê tông hoá đường trong thôn xóm

Nguồn: Ảnh internet, tháng 9/2011

Với kết quả của câu hỏi mở cho thấy: Về hình thức hỗ trợ của Nhà nước để kiên cố hoá kênh mương theo đánh giá của nông dân thì cơ bản là hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm (chiếm 52,2% ý kiến trả lời, chỉ có 8,0% cho là Nhà nước cho nông dân vay vốn để làm). Như vậy, với hình thức này chúng ta đã phát huy được tinh thần xã hội hoá trong phát triển nông nghiệp và được người dân ủng hộ. Điều đáng nói là có một tỷ lệ lớn nông dân không rõ được các hình thức hỗ trợ người nông dân để thực hiện chính sách này (chiếm gần 40% số người được hỏi). Chỉ số này phản ánh một khía cạnh là người nông dân có biết về chính sách, song hiểu sâu về triển khai chính sách này là còn hạn chế. Sau đây là một số ý kiến của nông dân:

"Nhà nước rót vốn về địa phương xây dựng kênh mương, giúp giải quyết phần nào khâu tưới tiêu cho sản xuất" (Nam, 40 tuổi, học vấn 7/10, Hoà Bình).

"Nhà nước và dân cùng làm giúp cho nông dân được cung cấp nước đầy đủ không bị lãng phí" (Nam, 54 tuổi, học vấn 8/10, Hà Nội).

"Nhà nước hỗ trợ vốn để địa phương tự làm mương cấp 2. Nhà nước và nhân dân cùng làm. Và mang lại hiệu quả: hệ thống tưới tiêu đạt hiệu quả cao như tiết kiệm được diện tích tưới tiêu, tiết kiệm nguồn nước, không bị lãng phí khi bơm" (Nam, 62 tuổi, học vấn 9/10, Thái Bình).

"Nhà nước và nhân dân cùng làm để đỡ công tát nước, điều tiết nước cho cây lúa đúng thời kỳ sinh trưởng" (Nam, 58 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình).

3.2.2. Hiệu quả của việc thực hiện chính sách kiên cố hoá kênh mương

Qua đánh giá của nông dân (kết quả xử lý câu hỏi mở) chúng ta thấy, hiệu quả của việc thực hiện chính sách này như sau:

* Ý kiến của nông dân:

"Nước đến ruộng đầy đủ. Phục vụ tưới tiêu kịp thời hiệu quả. Lúa tương đối tốt" (Nam nông dân, 55 tuổi, học vấn 8/10, Hà Nội).

"Ruộng cấy 1 vụ thành 2 vụ. Tăng thêm mùa vụ. Tưới tiêu cho ruộng đồng được thẳng lợi" (Nữ nông dân, 48 tuổi, học vấn 7/10, Hà Nội).

"Giảm chi phí cho tưới tiêu ruộng đồng. Giảm được công lao động, không phải đi tát nước. Thuận tiện cho nông dân lấy nước. Giúp tưới tiêu, giảm úng lụt" (Nữ nông dân, 38 tuổi, học vấn 10/10, Hà Nội).

"Đầu tư vào kênh mương, kiên cố hóa kênh mương làm tăng năng suất lao động cho nông nghiệp" (Nam, 68 tuổi, học vấn 7/10, Thái Bình).

"Xây dựng, tu sửa lại một số hệ thống kênh nhằm cân bằng tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp, tránh úng lụt hay khô hạn. Thuận lợi cho tưới tiêu cây lúa và cây trồng" (Nữ, 35 tuổi, học vấn 12/12, Thái Bình).

"Hình thức kênh mương hóa nội đồng, tạo điều kiện cho dân thâm canh tăng vùng, tăng năng suất, nâng cao đời sống người dân" (Nam, 39 tuổi, học vấn 9/12, Thái Bình)...

"Trước kia không được Nhà nước hỗ trợ thì chúng tôi cày cấy không đảm bảo, nay nhờ có Nhà nước hỗ trợ, nước đã về đến đồng ruộng, làm cho đồng ruộng tiện lợi tưới tiêu, chủ động tổ chức nuôi trồng đúng mùa vụ" (Nam, 53 tuổi, học vấn 9, Hoà Bình).

"Giúp cho nông dân thuận lợi cho việc dẫn nước vào ruộng, tưới tiêu cho cây trồng. Chúng tôi rất hưởng ứng công việc này bởi vì mang lại hiệu quả lớn cho cây trồng, như ngô, lúa, rau quả" (Nữ, 22 tuổi, học vấn 12, Hoà Bình).

"Tạo điều kiện thuận lợi cho việc giữ nước, đảm bảo lượng nước tưới tiêu phục vụ sản xuất, đem lại hiệu quả năng suất, chất lượng sản phẩm về nông nghiệp cao hơn, việc sản xuất đảm bảo đúng thời vụ, tạo điều kiện cho nông dân phát triển sản xuất thâm canh tăng vụ, tăng thêm thu nhập hàng năm" (Nữ, 56 tuổi, học vấn 6, Hoà Bình).

Nhận xét về hiệu quả của chính sách kiên cố hoá kênh mương nội đồng:

- Giúp nông dân có đủ nước để tưới cho cây trồng. Tạo điều kiện để thâm canh, tăng vụ. Người nông dân chủ động trồng trọt theo đúng thời vụ.

- Đảm bảo nước tưới tiêu cho cây trồng kịp thời, giúp cây trồng phát triển, đạt năng suất cao hơn, chất lượng sản phẩm tốt hơn.

- Giúp nông dân tăng diện tích đất canh tác, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm nhân công nạo vét kênh mương hàng năm.

- Tạo ra tâm trạng phấn khởi ở nông dân, làm cho họ hiểu được đây là sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với nông dân và nông nghiệp.

3.3. Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở cho nông dân

Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở cho nông dân được ban hành 20/7/2004. Theo chính sách này thì mức giao đất sản xuất tối thiểu một hộ là 0,15 ha đất ruộng lúa nước hai vụ. Căn cứ quỹ đất cụ thể của từng địa phương, khả năng lao động và số nhân khẩu của từng hộ và khả năng ngân sách địa phương, UBND cấp tỉnh có thể xem xét, quyết định giao đất sản xuất cho hộ đồng bào ở mức cao hơn.

Đối với đất ở: Mức giao diện tích đất ở tối thiểu 200 m² cho mỗi hộ đồng bào sống ở nông thôn. Căn cứ quỹ đất ở và khả năng ngân sách của địa phương, UBND cấp tỉnh có thể xem xét quyết định giao đất cho hộ đồng bào với mức cao hơn.

Về nhà ở: Đối với các hộ đồng bào dân tộc Khơ me hiện chưa có nhà ở hoặc nhà ở quá tạm bợ và đã hư hỏng, đột nát thì thực hiện phương châm: Nhân

dân tự làm, Nhà nước hỗ trợ và cộng đồng giúp đỡ.

Chúng ta hãy xem việc triển khai chính sách này ở nông thôn và hiệu quả hỗ trợ nông dân của nó.

3.3.1. Thực trạng thực hiện chính sách

Bảng 3: Đánh giá của nông dân về triển khai chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho nông dân ở địa phương

TT	Đánh giá thực trạng	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Có được hỗ trợ đất	328	21,2
2	Không được hỗ trợ đất	1.184	76,5
3	Không trả lời	36	2,3
	Tổng số	1.548	100

Phân tích số liệu bảng trên cho thấy:

Chỉ có một tỷ lệ nhỏ nông dân được hỏi trả lời họ được hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp, chiếm hơn 1/5 số người được hỏi, đại đa số nông dân được hỏi khẳng định họ không được hỗ trợ đất sản xuất.

Đối với những nông dân được hỗ trợ đất sản xuất có 25,2% nói rằng, họ được hỗ trợ từ 100 m² đến 750 m², có 41,8% được hỗ trợ từ 1000 m² đến 2000 m², còn 33% được hỗ trợ trên 2000 m².

Về các hình thức hỗ trợ:

Qua số liệu bảng 4 cho thấy, đa số nông dân được hỗ trợ theo hình thức bổ sung thêm đất sản xuất, sau đó là do lập gia đình riêng, ra ở riêng (chiếm 1/4 số người được hỗ trợ đất). Trong số những gia đình nông dân được hỗ trợ đất sản xuất, các gia đình là dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao hơn so với các gia đình dân tộc Kinh (dân tộc thiểu số: 15,5%; dân tộc Kinh: 8,2%).

Bảng 4: Các hình thức hỗ trợ đất sản xuất cho nông dân

TT	Đánh giá thực trạng hỗ trợ	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Bổ sung thêm đất sản xuất	56,2
2	Do lập gia đình riêng	26,0
3	Hỗ trợ theo dự án	8,2
4	Hỗ trợ theo tái định cư	9,6
	Tổng số	100,0

Về đất ở: Kết quả điều tra cho thấy, có 10,9% nông dân được hỏi trả lời họ được hỗ trợ về đất ở, còn lại gần 90% cho rằng, họ không được hỗ trợ đất ở. Như vậy, chỉ có một tỷ lệ khá thấp nông dân được hỗ trợ về đất ở.

3.3.2. Hiệu quả của việc thực hiện chính sách

Do tỷ lệ nông dân được hỗ trợ đất sản xuất và đất ở mức thấp, nên đa số nông dân được hỏi không đánh giá được hiệu quả tác động của chính sách này đối với họ. Có thể nói, so với các chính sách khác thì chính sách hỗ trợ đất sản xuất chưa ảnh hưởng nhiều đến nông dân (trong những vùng đề tài khảo sát).

Nhận xét:

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài cho thấy: Chính sách hỗ trợ đất sản xuất và đất ở cho nông dân không tác động nhiều đến nông dân như các chính sách hỗ trợ khác của Đảng và Nhà nước đối với nông dân. Bởi vì, các đối tượng được thụ hưởng chính sách này chiếm tỷ lệ thấp trong số nông dân yếu thế.

3.4. Chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn

Ngày 15/4/2009, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009 - 2015.

Đề tài đã khảo sát thực trạng triển khai chính sách này trong việc hỗ trợ nông dân và hiệu quả của nó.

3.4.1. Thực trạng thực hiện chính sách

Kết quả điều tra về việc thực hiện chính sách này được phản ánh qua bảng số liệu sau:

Bảng 5: Đánh giá của nông dân về triển khai chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn

TT	Đánh giá thực trạng	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Có được hỗ trợ làm đường ở địa phương	1.432	92,5
2	Không được hỗ trợ làm đường ở địa phương	108	7,0
3	Không trả lời	8	0,5
	Tổng số	1.548	100,0

Hầu hết người dân được hỏi đều đánh giá là ở địa phương họ được hỗ trợ để làm đường giao thông nông thôn (92,5%). Chỉ có một tỷ lệ nhỏ cho rằng, chính sách này chưa được thực hiện. Qua tìm hiểu của chúng tôi cho thấy, đây là những gia đình nông dân ở khu vực mà đường bê tông được Nhà nước hỗ trợ chưa phủ tới được.

Nếu so sánh theo tiêu chí dân tộc ta thấy, tỷ lệ ý kiến của nông dân là dân tộc Kinh cao hơn tỷ lệ ý kiến của dân tộc thiểu số (Kinh: 55,1%; dân tộc thiểu số: 37,9%). Điều này cho thấy, việc hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn ở khu vực miền xuôi được thực hiện tốt hơn ở khu vực miền núi. Điều này cũng phù hợp với quan sát thực tế của chúng tôi tại các địa điểm khảo sát. Điều này sẽ được lý giải rõ hơn khi chúng ta tìm hiểu về cách thức hỗ trợ.

Bảng 6: Các hình thức hỗ trợ đất sản xuất cho nông dân

TT	Các hình thức hỗ trợ	Số người trả lời	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Nhà nước cho nông dân vay vốn	32	2,1
2	Nhà nước và nông dân cùng làm	984	63,6
3	Nhà nước hỗ trợ hoàn toàn	16	1,0
4	Khó trả lời	516	33,3
	Tổng số	1.548	100,0

Với số liệu điều tra ở bảng trên ta thấy, đa số nông dân được hỏi cho rằng, hình thức hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn là Nhà nước và nông dân cùng làm (63,6%). Các hình thức Nhà nước cho vay vốn hoặc hỗ trợ hoàn toàn chiếm tỷ lệ không đáng kể. Với hình thức Nhà nước và nông dân cùng làm, trong những năm qua chúng ta đã huy động được sức dân và tiền của của nông dân vào việc làm đường giao thông nông thôn, giúp cho nông dân đi lại thuận tiện hơn, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế và xã hội ở nông thôn. Tính đến cuối năm 2005, 32,9% số xã có đường liên thôn được bê tông hoặc nhựa hoá, 3,1% số xã có đường thôn xóm rải nhựa hoặc bê tông hoá (PGS.TS. Nguyễn Đình Long, 2011).

Do hình thức Nhà nước và nông dân cùng làm trong làm đường giao thông nông thôn nên khu vực miền xuôi có điều kiện thuận lợi hơn khu vực miền núi. Vì nông dân ở miền xuôi có khả năng kinh tế, khả năng đóng góp tốt hơn nông dân các dân tộc thiểu số. Mặt khác, ở miền núi, do địa bàn dân cư sinh sống rộng, địa hình đường xá khó khăn nên việc bê tông hoá hay rải nhựa đường liên thôn, liên xã gặp nhiều khó khăn ở các xã miền xuôi.

3.4.2. Hiệu quả của việc thực hiện chính sách

Kết quả xử lý câu hỏi mở và phỏng vấn sâu đã giúp chúng tôi biết được hiệu quả của chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn qua đánh giá của nông dân yếu thế.

* Ý kiến của nông dân:

"Nhà nước góp vốn cùng nông dân để xây dựng đường để đi lại cho đỡ vất vả, làm cho đường làng ngõ xóm sạch đẹp hơn, giao thông thuận tiện" (Nam, 40 tuổi, học vấn 7/10, Thái Bình).

"Nhà nước cung cấp tiền làm đường cùng với nông dân làm đường, chúng tôi đã có con đường liên thôn rất thuận tiện mà bao lâu nay hằng mơ ước" (Nam, 54 tuổi, học vấn 8/10, Thái Bình).



Ảnh 2: Hỗ trợ nông dân bê tông hoá đường trong thôn xóm

Nguồn: Ảnh internet, tháng 9/2011

"Đầu tư vốn làm đường bê tông đi lại trong thôn xóm, giao thông thuận lợi, sản xuất phát triển, văn hóa làng xã có nhiều khởi sắc" (Nam, 68 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình).

"Đạt hiệu quả tốt cho an toàn giao thông nông thôn. Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ đường làng, ngõ xóm, đường nông thôn sạch đẹp" (Nam, 33 tuổi, học vấn 13, Hoà Bình).

"Đi lại, chở vật liệu xây dựng và thóc lúa về làng thuận tiện. Đường sạch sẽ, đi lại không bị bùn lầy, vận chuyển hàng dễ dàng" (Nữ, 56 tuổi, Hoà Bình).

"Làm cho môi trường làng xóm sạch đẹp, đường đi không lấy lợi và tạo điều kiện phát triển kinh tế. Tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho bà con" (Nam, 45 tuổi, học vấn 12, Hoà Bình).

"*Hỗ trợ tiền đổ bê tông đường làng ngõ xóm. Nhà nước hỗ trợ cát, sỏi, xi măng, dân đóng góp tiền và sức*" (Nam, 55 tuổi, học vấn 10, Hà Nội).

"*Đi lại thuận tiện, sạch sẽ, không bị tai nạn, va vấp. Đường giao thông đi lại dễ dàng và thôn xóm sạch sẽ, phong quang*" (Nữ, nông dân, Kinh, 45 tuổi, học vấn 7/10, Hà Nội).

Nhận xét về hiệu quả của chính sách:

Qua ý kiến đánh giá của chính những nông dân yếu thế ta thấy, chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông có hiệu quả rất tích cực. Hiệu quả này thể hiện ở các khía cạnh sau:

- *Giúp nông dân đi lại thuận tiện, dễ dàng trong thôn xóm, giải quyết tình trạng ngập úng, lụt lội trước đây. Làm cho môi trường sống của nông dân sạch sẽ hơn, quang đãng hơn, đẹp hơn, giảm bớt ô nhiễm và đảm bảo vệ sinh nông thôn tốt hơn. Làm cho bộ mặt nông thôn đẹp hơn.*

- *Giao thông thuận lợi đã giúp nông dân phát triển sản xuất: vận chuyển vật tư, sản phẩm, trao đổi hàng hoá... tốt hơn trước đây.*

- *Tạo ra ở nông dân tâm trạng phấn khởi, yên tâm sản xuất, gắn bó hơn đối với quê hương, làng xóm của mình.*

3.5. Chính sách hỗ trợ nông dân về khuyến nông, khuyến ngư

Chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở các địa bàn khó khăn thể hiện trong Quyết định 162/QĐ-TTg ngày 4/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Chính sách này áp dụng cho các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư quy định tại Nghị định số 56/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư. Chính sách này nhằm hỗ trợ nông dân các địa bàn khó khăn gồm các xã khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 106/2004/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Mục tiêu của chính sách nhằm góp phần xoá đói, giảm nghèo, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người sản xuất ở địa bàn khó khăn thông qua hoạt động khuyến nông; Đóng góp cho phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng ở địa bàn khó khăn; Đóng góp cho việc xây dựng hệ thống khuyến nông cơ sở ở địa bàn khó khăn.

Nội dung của chính sách gồm:

- Hỗ trợ 100% chi phí về giống và các vật tư thiết yếu khác cho các mô hình trình diễn thuộc chương trình, dự án khuyến nông của địa phương và Trung ương thực hiện ở địa bàn khó khăn.

- Hỗ trợ tập huấn và đào tạo: Hỗ trợ 100% về tài liệu, chi phí đi lại, ăn, ở cho người sản xuất và nhân viên khuyến nông ở các địa bàn khó khăn tham dự các lớp tập huấn, đào tạo do tổ chức khuyến nông Trung ương, địa phương tổ chức. Hỗ trợ về hoạt động thông tin, tuyên truyền.

- Hỗ trợ các tổ chức cung cấp dịch vụ ở địa bàn khó khăn: Chính quyền địa phương ưu tiên cho các tổ chức cung cấp dịch vụ nông nghiệp ở địa bàn khó khăn về thuê đất để sản xuất, kinh doanh và các nguồn hỗ trợ khác.

Theo thống kê, cả nước có trên 31.000 cán bộ khuyến nông và hàng chục nghìn cộng tác viên thôn bản. Đây chính là lực lượng để giúp Nhà nước quản lý, đánh giá các hộ nông dân trồng trọt đúng quy hoạch, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; tính toán xác định mức miễn giảm thuế nông nghiệp và các mức hỗ trợ tài chính.

Trong những năm qua, Nhà nước đã hỗ trợ hàng chục nghìn tỷ đồng cho nông nghiệp thông qua việc hỗ trợ lãi suất, giảm thuế nhập khẩu cho các doanh nghiệp nhập khẩu phân bón, hỗ trợ giống... Tuy nhiên, giá vật tư đầu vào đến tay người nông dân vẫn rất cao.

3.5.1. Thực trạng thực hiện chính sách

Kết quả điều tra về thực hiện chính sách này phản ánh qua bảng 7:

Với kết quả khảo sát ở bảng 7 ta thấy, hơn một nửa số nông dân được hỏi cho rằng, chính sách này đã được thực hiện ở địa phương họ (55,3%). Tuy vậy, số nông dân cho rằng, gia đình họ chưa được hỗ trợ về khuyến nông, khuyến ngư chiếm một tỷ lệ khá lớn (44,2%).

Bảng 7: Đánh giá của nông dân về triển khai chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở những vùng khó khăn

TT	Đánh giá thực trạng	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Có được thực hiện	856	55,3
2	Không được thực hiện	684	44,2
3	Không trả lời	8	0,5
	Tổng số	1.548	100,0

Nếu tính các gia đình chưa được hỗ trợ thì tỷ lệ gia đình thuộc dân tộc Kinh cao hơn gia đình các dân tộc thiểu số (26,8% so với 17,7%); Nếu so sánh theo các nhóm yếu thế thì tỷ lệ gia đình nông dân thuộc diện thiếu vốn, thiếu

nhân lực chưa được hỗ trợ chiếm tỷ lệ cao nhất (24,9%), tiếp đến là nhóm nông dân bị mất đất sản xuất là 7,5%, nhóm nông dân khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm là 3,0%... Như vậy, theo đánh giá của những nông dân được khảo sát thì tỷ lệ những gia đình chưa được hỗ trợ về khuyến nông, khuyến ngư còn khá cao. Điều này cho thấy, việc thực thi chính sách này ở các địa phương được khảo sát còn hạn chế.

Bảng 8: Các hình thức hỗ trợ nông dân về khuyến nông, khuyến ngư

TT	Các hình thức hỗ trợ nông dân	Dân tộc		Chung
		Kinh (%)	Dân tộc thiểu số (%)	
1	Hỗ trợ mua giống	34,0	35,0	69,0
2	Hỗ trợ các vật tư thiết yếu	10,7	9,6	20,3
3	Tập huấn kiến thức, kỹ năng	51,8	36,0	87,8
4	Cung cấp tài liệu	31,5	26,9	58,4

Phân tích số liệu bảng trên cho thấy:

Hình thức hỗ trợ nhiều nhất cho nông dân về khuyến nông, khuyến ngư là tập huấn kiến thức, kỹ năng thực hành cho nông dân (87,8%). Đại đa số nông dân trong số những người được hỗ trợ được tham gia các lớp tập huấn này. Tiếp đến, là hình thức hỗ trợ nông dân mua giống cây, giống con (69,0%). Ngoài ra, nông dân còn được hỗ trợ qua các hình thức hỗ trợ các vật tư thiết yếu, cung cấp tài liệu.

3.5.2. Hiệu quả của việc thực hiện chính sách

Kết quả xử lý câu hỏi mở cho ta thấy, đánh giá của nông dân về hiệu quả của việc thực hiện chính sách này.

"Năng cao kiến thức sản xuất, tăng năng suất cây trồng, tăng thu nhập kinh tế. Giảm được một phần chi phí mua giống lúa và đồ tương. Tập huấn về kỹ năng và kiến thức trồng lúa và các cây rau màu, hiệu quả chăm sóc lúa và các cây rau màu đạt kết quả cao" (Nữ, nông dân, Kinh, 45 tuổi, học vấn 7/10, Hà Nội).

"Hỗ trợ giống khi có giống mới, khi thiên tai, tập huấn kỹ thuật trên lớp, hỗ trợ vật tư như phòng chống bệnh lùn xoắn lá" (Nam, 54 tuổi, học vấn 8/10, Thái Bình).

Nhận xét:

Nếu so với các chính sách đã được khảo sát ở trên thì chính sách khuyến nông, khuyến ngư có tỷ lệ nông dân được hỗ trợ thấp hơn. Như vậy, tại các vùng để tài khảo sát tác động của chính sách này là hạn chế.

- Người dân cũng đánh giá tác động tích cực của chính sách này là hỗ trợ nông dân giống mới, giúp đỡ kỹ thuật chăm bón cây trồng, vật nuôi, phòng bệnh cây trồng, vật nuôi, giúp nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất

4. Nhận xét chung mặt được và chưa được của các chính sách về đất đai và cơ sở hạ tầng trong việc hỗ trợ nông dân

Qua số liệu điều tra, qua phỏng vấn sâu, qua quan sát thực tiễn và nghiên cứu tài liệu, chúng tôi đi đến một số nhận định về những mặt được và chưa được trong triển khai các chính sách đất đai, phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn nước ta trong thời gian qua như sau:

- Qua các chính sách được khảo sát, người nông dân tại những vùng để tài điều tra đã đánh giá là chúng đã đạt được nhiều thành tựu: Giúp nông dân phát triển kinh tế, tăng thu nhập, cải thiện điều kiện sống và sản xuất (nhà cửa, đường xá, cơ sở hạ tầng sản xuất...). Đặc biệt là đã tạo nên tâm trạng phấn khởi, yên tâm sản xuất, tin tưởng vào Đảng và Nhà nước của đại bộ phận nông dân.

- Qua số liệu thống kê, hạ tầng điện nông thôn cũng được cải thiện rõ rệt, hiện số xã có điện lưới quốc gia chiếm trên dưới 90% tổng số xã, số hộ sử dụng điện chiếm trên dưới 90,0%, vùng Đồng bằng Sông Hồng có tỷ lệ hộ dùng điện cao nhất cả nước, kể đến là vùng Bắc Trung Bộ..., thấp nhất là vùng Tây Bắc và Tây Nguyên. Đầu tư cho nước sạch nông thôn tăng đáng kể, tỷ lệ số hộ dùng nước sạch (theo tiêu chuẩn nước hợp vệ sinh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đạt trên 70% tổng số hộ. Hạ tầng cơ sở thương mại ở nông thôn, theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê, số xã có chợ trong cả nước chiếm trên 60%, tỷ lệ cao nhất là Đồng bằng Sông Cửu Long, kể đến là Đông Nam Bộ gần, Duyên Hải Miền Trung, Đồng bằng Sông Hồng đạt, thấp nhất là Tây Bắc.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, việc thực hiện các chính sách về đất đai và phát triển cơ sở hạ tầng trong thời gian qua còn những hạn chế và bất cập sau:

- Những hộ nông dân nghèo, nông dân yếu thế không phải là dân tộc thiểu số, không ở vùng nghèo tập trung, vùng chậm phát triển mà nghèo ở ngay vùng nông nghiệp hàng hoá phát triển, vùng ven đô... rất dễ tổn thương nhưng chính sách hỗ trợ lại không phủ tới được.

- Thị trường đất đai trên thực tế chưa hình thành, thị trường ngầm phát triển mạnh và luôn tạo ra các cơn sốt nóng, sốt lạnh về giá đất một cách giả

tao... Vấn đề đất đai vẫn còn nhiều nổi cộm, sử dụng tài nguyên đất hiệu quả thấp, việc chuyển đất nông nghiệp sang đất đô thị và chuyên dùng còn lãng phí, hoang hoá nhiều năm, dài chờ dự án...

- Trong sản xuất nông nghiệp, việc dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất tạo vùng sản xuất hàng hoá tập trung chậm hình thành. Bình quân đất nông nghiệp trên số dân làm nông nghiệp thấp, chỉ khoảng 0,16 ha/người. Vấn đề qui mô đất nông nghiệp nhỏ của các nông hộ càng bị trầm trọng hơn khi bị xé nhỏ nhiều mảnh, nhiều thửa, có gần, có xa, có tốt, có xấu trong quá trình giao đất cho hộ, đặc biệt là ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ. Hơn nữa, mức hạn điền, quyền sử dụng đất được qui định trong Luật đất đai và những kiểm soát chặt của Chính phủ đã hạn chế quá trình tập trung, tích tụ ruộng đất công khai, minh bạch. Trong khi tích tụ ngầm ruộng đất tự phát diễn ra ở một số vùng và hiện tượng người nông dân không có việc làm và không kế sinh nhai vẫn diễn ra ở đâu đó. Vấn đề nổi cộm của đất đai là khiếu kiện khi thu hồi đất cho công nghiệp hoá, đô thị hoá và phát triển hạ tầng giao thông...

- Người nông dân từ có đất bị thu hồi cho quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, trở thành không đất hoặc còn rất ít đất để sản xuất nông nghiệp, tiền đền bù không đủ mở ngành nghề sản xuất mới, không đủ trình độ để được tham dự vào các khu công nghiệp, nhất là nông dân ở lứa tuổi ngoài 40, họ không biết làm gì khi số tiền bồi thường đất đai đã mua sắm vật dụng sinh hoạt và thế là họ trở thành người nông dân yếu thế.

- Giao thông nông thôn hiện tại có tiến bộ đáng kể, hầu hết các xã đều có đường ô tô đến trung tâm xã, đường liên thôn và đường thôn xóm được bê tông hoặc nhựa hoá, nhưng tập trung chủ yếu vẫn ở vùng đồng bằng, vùng Duyên Hải. Ở vùng miền núi giao thông vẫn là trở ngại lớn cho giao thương của nông dân.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Long, Báo cáo chuyên đề cơ chế chính sách hỗ trợ nông dân yếu thế ở nước ta, Hà Nội, 2011.
2. Số liệu điều tra đề tài cấp Bộ "Cơ chế chính sách hỗ trợ nông dân yếu thế trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường ở nông thôn nước ta" (2011 - 2012), do GS.TS. Vũ Dũng làm chủ nhiệm.
3. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ "Cơ chế chính sách hỗ trợ nông dân yếu thế trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường ở nông thôn nước ta" (2011 - 2012), do GS.TS. Vũ Dũng làm chủ nhiệm.